Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8436.29.10

Mã HS	8436.29.10
Mô tả hàng hóa	Các loại máy khác dùng trong nông nghiệp, làm vườn, lâm nghiệp, chăn nuôi gia cầm hoặc nuôi ong, kể cả máy ươm hạt giống có lắp thiết bị cơ khí hoặc thiết bị nhiệt; máy ấp trứng gia cầm và thiết bị sưởi ấm gia cầm mới nở / - Máy chăm sóc gia cầm; máy ấp trứng gia cầm và thiết bị sưởi ấm gia cầm mới nở: / - - Loại khác: / - - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 20:47:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84362910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13779
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13779
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13779
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13087
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13028
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13028
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13028
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13028
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13028
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13028
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13082
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13082
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13082
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13082

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13082
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13082
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13083
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13083
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13083
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13083
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13083
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13083
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13086
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13034
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13042
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13042
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13042
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13042
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13042
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13042
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13073
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13073
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13073
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13073
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13073
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13073
VCFTA	2022	2022	3	VC!D13122
VCFTA	2023	2023	3	VC!E13122
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13122
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13122

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13122
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13122
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13105
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13105
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13105
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13105
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13105
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13105
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13105
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13105
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13105
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13105
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13105
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13105
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13120
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13120
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13120
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13120
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13120
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13120
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13119
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13119
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13119
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13119
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13119
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13119

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13099
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13099
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13099
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13099
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13099
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13099
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13099
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13107
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13107
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13107
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13107
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13107
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13107
RCEP B	2022	2022	0	B!D13107
RCEP B	2023	2023	0	B!E13107
RCEP B	2024	2024	0	B!F13107
RCEP B	2025	2025	0	B!G13107
RCEP B	2026	2026	0	B!H13107
RCEP B	2027	2027	0	B!I13107
RCEP C	2022	2022	0	C!D13107
RCEP C	2023	2023	0	C!E13107
RCEP C	2024	2024	0	C!F13107
RCEP C	2025	2025	0	C!G13107
RCEP C	2026	2026	0	C!H13107
RCEP C	2027	2027	0	C!I13107
RCEP D	2022	2022	0	D!D13106

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13106
RCEP D	2024	2024	0	D!F13106
RCEP D	2025	2025	0	D!G13106
RCEP D	2026	2026	0	D!H13106
RCEP D	2027	2027	0	D!I13106
RCEP E	2022	2022	0	E!D13110
RCEP E	2023	2023	0	E!E13110
RCEP E	2024	2024	0	E!F13110
RCEP E	2025	2025	0	E!G13110
RCEP E	2026	2026	0	E!H13110
RCEP E	2027	2027	0	E!I13110
RCEP F	2022	2022	0	F!D13107
RCEP F	2023	2023	0	F!E13107
RCEP F	2024	2024	0	F!F13107
RCEP F	2025	2025	0	F!G13107
RCEP F	2026	2026	0	F!H13107
RCEP F	2027	2027	0	F!I13107
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12157
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12157
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12157
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12157

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8436.29 có 2 dòng thuế; dòng 8436.29.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8436.29.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8436.29.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8436.29.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13779), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.